

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH GIAO TIẾP 2

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành: Việt Nam học

Năm 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Việt Nam học

- Tên học phần:** Tiếng Anh giao tiếp 2
- Mã học phần:** TANH 022
- Số tín chỉ:** 04 (4,0)
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ 1
- Phân bố thời gian:**
 - Lên lớp: 60 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
 - Tự học: 120 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã hoàn thành học phần tiếng Anh giao tiếp 1.
- Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913.601.619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913.592.866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	Luongnn78@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Các kiến thức ngữ pháp về thì: (Hiện tại, quá khứ, tương lai, các biện pháp so sánh, các dùng danh động từ và động từ nguyên thể, mệnh đề quan hệ, câu bị động và câu điều kiện...

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về giao tiếp thường ngày, các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống của bạn : thể thao, công nghệ, thế giới tự nhiên, thư giãn...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bố mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày các kiến thức về các nội dung sau - Các cấu trúc tiếng Anh trình độ sơ trung (pre-intermediate) Các thì hiện tại, thì quá khứ, thì tương lai, các biện pháp so sánh, cách dùng động	3	[1.2.1.1b]

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	từ khuyết thiếu chỉ yêu cầu và lời khuyên, mệnh đề quan hệ, câu bị động và câu điều kiện... - Liệt kê các môn thể thao, các ngày lễ trong năm, thế giới tự nhiên, các chương trình giải trí...		
MT2	Kỹ năng		
	- Nói, hội thoại được về các chủ điểm giao tiếp quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. - Nghe hiểu các đoạn hội thoại, đọc thoại về các chủ điểm giao tiếp thông thường. - Đọc hiểu được các đoạn văn 200-300 từ về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình - Kỹ năng chia động từ theo các thì và viết các loại câu đơn, câu phức, viết đoạn văn miêu tả, đoạn văn trình bày ý kiến.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	- Trình bày các cấu trúc tiếng Anh trình độ sơ trung (pre-intermediate) Các thì hiện tại, thì quá khứ, thời tương lai, các biện pháp so sánh, cách dùng động từ	3	[2.1.2]

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
	khuyết thiếu chỉ yêu cầu và lời khuyên, mệnh đề quan hệ, câu bị động và câu điều kiện...		
CDR1.2	Trình bày được các từ vựng theo các chủ điểm: Gia đình, cuộc sống xã hội, các sự kiện trong cuộc sống, mô tả đặc điểm của một người, một địa điểm, phong cách sống và nghề nghiệp của một người nào đó.	3	[2.1.2]
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	- Có khả năng giới thiệu bản thân và gia đình, có thể hỏi và trả lời các câu hỏi về bản thân như sở thích nghề nghiệp	3	[2.2.6]
CDR2.2	- Nghe hiểu các đoạn hội thoại, độc thoại về các chủ điểm giao tiếp thông thường.	3	[2.2.6]
CDR2.3	- Đọc hiểu được các đoạn văn 200-300 từ về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình.	3	[2.2.6]
CDR2.4	- Viết các loại câu đơn, câu phức, viết đoạn văn miêu tả, đoạn văn trình bày ý kiến.	3	[2.2.6]
	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CDR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[2.3.1]
CDR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần								
		CDR1		CDR2				CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	Unit 1: Your life	3		3				3	3	3
2	Unit 2: The greats	3	3	3	3			3	3	3
3	Unit 3: Your style	3	3	3	3			3	3	3
4	Unit 4: The goal	3	3	3	3			3	3	3
5	Unit 5: Stay well	3	3	3	3			3	3	3

6	Unit 6: The rules	3	3	3	3			3	3	3
7	Unit 7: Time out	3	3	3	3	3	3	3	3	3
8	Unit 8: Out there	3	3	3	3	3		3	3	3
9	Unit 9: Cool tech	3	3	3	3	3		3	3	3
10	Unit 10: Out there		3	3	3	3	3	3	3	3
11	Unit 11: Must see		3	3	3	3	3	3	3	3
12	Unit 12: Stay safe		3	3	3	3	3	3	3	3

11. Đánh giá học phần

11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	Chuẩn đầu ra của học phần			Ghi chú
					CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm chuyên cần	1 điểm	20%	- Phát vấn - Đánh giá thái độ tham gia thảo luận. - Đánh giá chuyên cần	CĐR1.2, CĐR1.2	CĐR2.1, CĐR2.2,	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	- Kiểm tra vấn đáp	CĐR1.1, CĐR1.2,	CĐR2.1, CĐR2.4,	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3	
3	Điểm thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	- Trắc nghiệm kết hợp - 90 phút		CĐR2.1, CĐR 2.2, CĐR2.3, CĐR2.4.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3	

11.2. Cách tính điểm học phần:

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm điểm 4.

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- **Tài liệu chính:**

[1] Sarah Cunning Ham, Peter Moor, 2010, *Real life – Pre intermediate – Students’ book*, Pearson Longman.

- **Tài liệu tham khảo:**

[2]. Raymond Murphy, *English Grammar in Use*, Cambridge Press.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	<p>Unit 1: Your life Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ về gia đình và các mối quan hệ - Biết cách chia động từ ở thời hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn Nội dung cụ thể: 1.1. Reading and listening: Time Twin 1.2. Grammar focus: The present simple and continuous 1.3. Vocabulary and reading 1.4. Grammar focus: Question and question words 1.5. Reading and vocabulary 1.6. Vocabulary and speaking: Family and relationship 1.7. Realtime</p>	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm Giảng viên: - Giải thích nghĩa của từ vựng. - Luyện phát âm cho sinh viên. - Trình bày cách sử dụng động từ to be, tính từ sở hữu, đại từ nhân xưng. - Giao bài tập cho sinh viên - Nhận xét, đánh giá bài làm của sinh viên. Sinh viên: - Lắng nghe, quan sát, ghi chép, luyện phát âm. - Hoàn thành các bài tập 1-8 trang 10-11 phần bài tập tài liệu [1].</p>	CĐR1.1, CĐR2.1, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
2	<p>Unit 2: The greats Mục tiêu: - Liệt kê được các từ vựng chỉ tính cách của con người - Sử dụng thành thạo thời quá khứ đơn, và quá khứ tiếp diễn, phân biệt giữa 2 thì.</p> <p>Nội dung cụ thể: 2.1. Reading and vocabulary: Icon 2.2. Grammar focus: Past simple 2.3. Vocabulary and writing: Famous pair 2.4. Grammar focus: Past simple and past continuous 2.5. Reading and listening 2.6. Vocabulary and speaking: Personal characteristics 2.7. Active study 1</p>	4 (4LT,0TH)	<p>Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm</p> <p>Giảng viên: - Giải thích nghĩa của từ vựng. - Luyện phát âm cho sinh viên. - Hướng dẫn sinh viên sử dụng các đại từ bất định lượng. - Giao bài tập cho sinh viên. - Nhận xét, đánh giá bài làm của sinh viên.</p> <p>Sinh viên: - Đọc trước tài liệu [1] trang 11-13. - Liệt kê được các từ vựng chỉ đặc điểm tính cách của con người. - Tìm hiểu và phân biệt thời quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn tài liệu [2]. - Hoàn thành BT trang 18-19 phần BT tài liệu [1]. - Lập hội thoại hỏi về đặc điểm tính cách</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
3	<p>Unit 3: Your style Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng dùng để miêu tả một địa điểm, phong cách của một cá nhân - Hiểu và sử dụng chính xác cấu trúc so sánh hơn và hơn nhất. - Hội thoại giới thiệu về địa điểm ưa thích</p> <p>Nội dung cụ thể:</p>	4 (4LT,0TH)	<p>Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, đặt vấn đề</p> <p>Giảng viên: - Giải thích nghĩa của từ vựng. - Giải thích cách sử dụng cấu trúc mô tả. - Tổ chức hoạt động nhóm cho sinh viên.</p> <p>Sinh viên: - Liệt kê các từ vựng dùng để</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	3.1. Reading and vocabulary: Describing a place 3.2. Grammar focus: Comparative and superlative 3.3. Listening and speaking: My favourite place 3.4. Vocabulary and speaking: Describing personal style 3.5. Grammar focus: Too and enough 3.6. Vocabulary and speaking: Money spending 3.7. Reading and vocabulary 3.8. Realtime		miêu tả một địa điểm. - Tìm hiểu cách sử dụng cấu trúc so sánh hơn và hơn nhất trong tài liệu [2] trang 55-57. - Lập hội thoại hỏi đáp về các địa điểm ưa thích, các phong cách cá nhân. - Hoàn thành BT trang 26-27 phần BT tài liệu [1]	
4	Unit 4: The goal Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng về lĩnh vực giáo dục, việc làm, tính từ miêu tả công việc - Hiểu và sử dụng đúng cấu trúc danh động từ và động từ nguyên thể - Hội thoại miêu tả 1 công việc Nội dung cụ thể: 4.1. Listening and vocabulary: Education 4.2. Grammar focus: Wishes and intentions 4.3. Vocabulary and listening: Getting a job 4.4. Grammar focus:	4 (4LT, 0 TH)	Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, đặt vấn đề Giảng viên: - Hướng dẫn phát âm các từ vựng trong bài. - Hướng dẫn trình bày bài nói về mục tiêu của bản thân. - Xây dựng cấu trúc, giải thích cách dùng của danh động từ và động từ nguyên thể có “to” - Nhận xét, đánh giá bài làm của sinh viên. Sinh viên - Đọc trước tài liệu	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	Gerund and infinitives 4.5.Vocabulary and speaking: Describing a job 4.6.Reading and vocabulary 4.7.Active study 2		[2] Unit 5 trang 18. - Ghi chép, luyện phát âm. -Hoàn thành các bài tập trang 34-35 phần BT tài liệu [1]. - Thiết lập đoạn hội thoại hỏi và trả lời về nghề nghiệp.	
5	Unit 5: Stay well Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng về sức khỏe và lối sống lành mạnh, các từ vựng về đồ ăn và thức uống. - Hiểu và sử dụng đúng mạo từ, a/ an/ và the - Sử dụng thành thạo should/ shouldn't, must, musn't để đưa ra lời khuyên Nội dung cụ thể: 5.1.Vocabulary and Listening: healthy lifestyle. 5.2.Grammar focus: should/ shouldn't/ must/ musn't. 5.3.Vocabulary and speaking: food and drink 5.4.Grammar focus: A/ an/ the 5.5.Reading and speaking 5.6. Real time	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn Giảng viên: - Phân biệt danh từ đếm được và không đếm được. - Phân biệt cách sử dụng các lượng từ: Many/much. - Hướng dẫn sinh viên thành lập đoạn hội thoại mua bán. - Nhận xét đánh giá bài làm của sinh viên. Sinh viên: Đọc trước tài liệu: [2] Unit 66, 67 trang 140. - Hoàn thành bài tập trang 42 - 43 phần workbook tài liệu [1]. - Nghe, quan sát, ghi chép bài đầy đủ, thảo luận nhóm. - Nói được về món ăn và đồ uống ưa thích.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
6	Unit 6: The rules Mục tiêu: - Biết cách sử dụng cấu trúc cho phép và yêu cầu ở thời hiện tại và quá khứ Nội dung cụ thể: 6.1.Reading and listening	4 (4LT, 0 TH)	Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn, đặt vấn đề Giảng viên: - Hướng dẫn sinh viên cách	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	6.2. Grammar focus: Obligation and permission in the present 6.3. Listening and speaking 6.4. Grammar focus: Obligation and permission		phát âm từ vựng. - Giải thích cách sử dụng của động từ khuyết thiếu. - Hướng dẫn sinh viên kỹ năng đọc hiểu. - Nhận xét đánh giá bài làm của sinh viên. Sinh viên: Đọc trước tài liệu: [1] Unit 6 trang 46-55. [2] Unit 26, 27, 28 trang 52-58. - Ghi chép, luyện phát âm, hoàn thành các nhiệm vụ được giao. - Làm việc theo nhóm, viết lập đoạn hội thoại đưa ra lời khuyên. - Hoàn thành BT tr. 44-47 phần workbook tài liệu [1]	CĐR3.4.
7	Unit 6: The rules (cont) Mục tiêu: - Liệt kê được các từ vựng liên quan tới pháp luật - Đọc hiểu đoạn văn về pháp luật và xã hội Nội dung cụ thể: 6.5. Reading and vocabulary: Society and law 6.6. Active study 3 - Kiểm tra giữa học phần	6 (4LT, 0TH 2 KT)	Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn, đặt vấn đề Giảng viên: - Hướng dẫn sinh viên phát âm từ mới. - Nhận xét, đánh giá bài làm của sinh viên. - Hệ thống lại kiến thức ngữ pháp từ bài 1 đến bài 6. Sinh viên: - Ghi chép luyện phát âm, hoàn thành các nhiệm vụ	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			<p>được giao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành các bài tập trong phần Activestudy tài liệu [1]. - Chuẩn bị các chủ đề nói và làm bài kiểm tra giữa học phần. 	
8	<p>Unit 7: Time out Mục tiêu: - Liệt kê các từ vựng liên quan tới chủ đề kì nghỉ. - Sử dụng thành thạo cấu trúc với động từ khuyết thiếu chỉ sự sắp xếp cho tương lai Nội dung cụ thể: 7.1.Vocabulary and reading: Holiday 7.2.Grammar focus: Future arrangement 7.3.Listening and vocabulary: Flying 7.4.Grammar focus: May,might, will</p>	4 (4LT, 0 TH)	<p>Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn, đặt vấn đề</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng giải cách sử dụng và cấu trúc thời tương lai đơn. - Hướng dẫn cách đặt câu mô tả kì nghỉ. - Nhận xét, đánh giá bài làm của sinh viên. <p>Sinh viên:</p> <p>Đọc trước tài liệu: [1] Unit 7 trang 56-60. [2] Unit 5 trang 12.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được thời tương lai đơn và tương lai gần. - Hoàn thành BT tr.55-57 phần tài liệu [1]. - Viết đoạn văn miêu tả một kì nghỉ của bạn. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
9	<p>Unit 7: Time out (cont) Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng về kì nghỉ. - Đọc hiểu đoạn văn “sea full of fish” - Miêu tả được 1 kì nghỉ của bản thân (thuyết trình) Nội dung cụ thể:</p>	4 (4LT, 0 TH)	<p>Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn, đặt vấn đề</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng giải các kĩ năng thuyết trình bằng tiếng Anh. - Hướng dẫn cách đặt câu mô 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	7.5.Vocabulary and speaking: Describing a holiday 7.6.Reading and vocabulary: Sea of fish 7.7.Realtime		tả kì nghỉ. - Nhận xét, đánh giá bài thuyết trình của sinh viên. Sinh viên: Đọc trước tài liệu: [1] Unit 7 trang 56-60. - Hoàn thành BT trang 58 phần tài liệu [1] và workbook trang 115 tài liệu [1] - Đọc và nhớ từ vựng trang 90 tài liệu [2] - Thuyết trình về kì nghỉ đáng nhớ của bạn.	
10	Unit 8: Just do it - Trình bày các từ vựng chỉ các môn thể thao. - Đọc hiểu và nói về các môn thể thao yêu thích. Nội dung cụ thể: 8.1.Vocabulary and listening 8.2.Grammar focus: Present perfect 8.3.Vocabulary and writing 8.4.Reading and vocabulary 8.5.Active study	4 (4LT, 0 TH)	Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn, đặt vấn đề Giảng viên: - Luyện phát âm từ mới các môn thể thao. - Hướng dẫn cách đặt câu mô tả môn thể thao yêu thích. - Nhận xét, đánh giá bài thuyết trình của sinh viên. Sinh viên: Đọc trước tài liệu: [1] Unit 8 trang 64-73. - Hoàn thành BT tr.123 phần workbook tài liệu [1]. - Hoàn thành các bài tập phần workbook trang 114-115 tài liệu [1]. - Thuyết trình về môn thể thao ưa thích của bạn.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
11	<p>Unit 9: Cool tech Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng thuộc lĩnh vực công nghệ. - Hiểu và sử dụng thành thạo mệnh đề quan hệ, câu điều kiện Nội dung cụ thể: 9.1.Vocabulary and listening 9.2.Grammar focus: Relative clause 9.3.Listening and speaking 9.4.Grammar focus: First conditional 9.5.Listening and speaking 9.6.Reading and vocabulary 9.7.Realtime</p>	4 (4LT, 0 TH)	<p>Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn, đặt vấn đề Giảng viên: - Luyện phát âm từ mới các từ vựng về chủ đề khoa học công nghệ. - Giảng giải cách sử dụng của mệnh đề quan hệ và câu điều kiện. Sinh viên: Đọc trước tài liệu: [1] Unit 9 trang 74-81. - Hoàn thành BT tr.123 phần workbook tài liệu [1]. - Hoàn thành các bài tập phần Activestudy trang 74 tài liệu [1], phần workbook trang 116-117 tài liệu [1].</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
12	<p>Unit 10: Out there Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng về thế giới tự nhiên - Sử dụng thành thạo cấu trúc used to để nói về thói quen trong quá khứ. - Nội dung cụ thể: 10.1.Vocabulary and speaking: Natural world 10.2.Grammar focus: Used to 10.3.Listening and speaking: Climate refugees 10.4.Reading and vocabulary</p>	4 (4LT, 0 TH)	<p>Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn, đặt vấn đề Giảng viên: - Luyện phát âm từ mới các từ vựng về chủ đề thế giới tự nhiên. - Giảng giải cách sử dụng của mệnh đề quan hệ và câu điều kiện. Sinh viên: Đọc trước tài liệu: [1] Unit 10 trang 82-91. - Tìm hiểu cách sử dụng “used to” trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR 2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	10.5.Active study 5		trang 82 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập phần workbook trang 118-119 tài liệu [1]	
13	<p>Unit 11: Must see Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ văn học và chế tác phim - Hiểu và sử dụng đúng thể bị động với thời hiện tại đơn quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành.</p> <p>Nội dung cụ thể: 11.1.Listening and vocabulary: Making film 11.2.Grammar focus:Passive voice 11.3.Reading and writing 11.4.Realtime</p>	4 (4LT, 0 TH)	<p>Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn, đặt vấn đề</p> <p>Giảng viên: - Luyện phát âm từ mới các từ vựng về chủ đề văn học và chế tác phim ảnh. - Giảng giải cách sử dụng của cấu trúc câu cấu trúc câu bị động ở thời hiện tại, hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn.</p> <p>Sinh viên: Đọc trước tài liệu: [1] Unit 10 trang 92-99. - Tìm hiểu cách sử dụng “câu bị động” trong tài liệu [2] tr.78. - Hoàn thành các bài tập trang 90-91 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập phần workbook trang 120-121 tài liệu [1].</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
14	<p>Unit 12: Stay safe Mục tiêu: - Biết cách sử dụng câu điều kiện loại 2 để nói về một giả giả thuyết. - Sử dụng thành thạo lời nói gián tiếp.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p>	6 (6LT, 0 TH)	<p>Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn, đặt vấn đề</p> <p>Giảng viên: - Luyện phát âm từ mới các từ vựng về an toàn.</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	12.1.Vocabulary and speaking: Serious crime 12.2.Grammar focus: Conditional sentence: 2 nd conditional 12.3.Vocabulary and listening 12.4.Grammar focus: Reported speech 12.5 Listening and reading 12.6 Active study 6		- Giảng giải cách sử dụng của cấu trúc câu cấu trúc câu bị động ở thời hiện tại, hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn. Sinh viên: - Tra từ mới phần bài đọc trang 95 tài liệu [1]. - Tìm hiểu câu điều kiện loại 2 và lời nói gián tiếp trong tài liệu [2] tr.125. - Hoàn thành các bài tập trang 98-99 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập phần workbook trang 122-123 tài liệu [1]	CĐR3.4.

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn

Nguyễn Đăng Tiến

Trịnh Thị Chuyên

